

Bản án số: 34/2024/HSST
Ngày 10-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lâm; bà Nguyễn Thị Mùa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/HSST-QĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Ngọc A**, sinh năm 1983, tại: Bến Tre; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1959 và bà Lê Thị C, sinh năm 1960; bị cáo có chồng là ông Khuru Minh D, sinh năm 1980 và hai người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 9 năm 2023 thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; ngày 09 tháng 02 năm 2024 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập khởi tố bị can và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 02 năm 2024 đến ngày 09 tháng 02 năm 2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

2. Ông Hồ Khắc F, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

3. Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

4. Ông Lê Văn H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

5. Ông Đoàn Ngọc I, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

6. Bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn BX, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

7. Bà Phạm Thị Diễm L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn 7, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 9 năm 2023, Lê Thị Ngọc A, thường xuyên cho những người dân tại xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập vay tiền trả góp trong thời hạn 22 ngày, mỗi ngày trả góp cả tiền gốc và lãi là 50.000 đồng/1.000.000 đồng (*tương ứng với lãi suất tương đương 13.82%/ tháng; hoặc tương đương 165,91%/năm*), cụ thể như sau:

Tháng 12 năm 2021 (*không rõ ngày*), A cho ông Nguyễn Thanh G vay số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày ông G phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 1.000.000 đồng, đến thời hạn ông G đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 22.000.000 đồng (*trong đó 20.000.000 đồng tiền gốc, 2.000.000 đồng tiền lãi*); sau khi trả xong ông G tiếp tục vay khoản vay mới là 20.000.000 đồng, ông G và A liên tục duy trì khoản vay này cho đến tháng 12 năm 2022 thì ông G trả xong tiền gốc và lãi cho A. Sau đó, ông G vay thêm 10.000.000 đồng (*nâng tổng số tiền gốc vay lên 30.000.000 đồng*), mỗi ngày ông G phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 1.500.000 đồng, đến thời hạn ông G đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền 33.000.000 đồng (*trong đó 30.000.000 đồng tiền gốc, 3.000.000 đồng tiền lãi*). Sau khi trả góp xong tiền gốc và lãi cho A, ông G tiếp tục vay khoản vay mới là 30.000.000 đồng, ông G và A liên tục duy trì khoản vay này cho đến tháng 6 năm 2023 thì ông G không còn khả năng trả nợ nữa nên A chốt lại ông G còn thiếu nợ gốc số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền gốc ông G chưa trả cho A là 30.000.000 đồng, số tiền lãi ông G đã trả cho A là 47.000.000 đồng (*trong đó lãi theo quy định 5.665.753 đồng, lãi vượt quá quy định là 41.334.247 đồng*).

Tháng 01 năm 2022 (*không rõ ngày*), A cho bà Nguyễn Thị Thu K vay số tiền 4.000.000 đồng, mỗi ngày bà K phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 200.000 đồng, đến thời hạn bà K đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 4.400.000 đồng (*trong đó 4.000.000 đồng tiền gốc, 400.000 đồng tiền lãi*). Sau khi trả xong, bà K tiếp tục vay thêm số tiền 6.000.000 đồng (*nâng tổng số tiền gốc vay lên 10.000.000 đồng*), mỗi ngày bà K phải trả góp cả tiền gốc và tiền lãi cho A là 500.000 đồng, đến thời hạn bà K đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 11.000.000 đồng (*trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi*); sau khi bà K trả xong tiền gốc và lãi cho A tiếp tục vay khoản vay mới là 10.000.000 đồng, bà K và A liên tục duy trì khoản vay này cho đến tháng 9 năm 2022 thì bà K trả cho A tiền gốc là 10.000.000 đồng và lãi là 9.400.000 đồng (*trong đó lãi theo quy định 1.133.151 đồng, lãi suất vượt quá quy định là 8.266.849*).

Tháng 2 năm 2022 (*không rõ ngày*), A cho bà Phạm Thị Diễm L vay số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày bà L phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 1.000.000 đồng, đến thời hạn bà L đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 22.000.000 đồng (*trong đó 20.000.000 đồng tiền gốc, 2.000.000 đồng tiền lãi*). Sau khi trả xong, bà L tiếp tục vay thêm số tiền là 30.000.000 đồng (*nâng tổng số tiền gốc lên*

50.000.000 đồng), mỗi ngày bà L phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 2.500.000 đồng, khi đến thời hạn bà L đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 55.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng tiền gốc, 5.000.000 đồng tiền lãi); sau đó bà L tiếp tục vay khoản vay mới, bà L đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 55.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng tiền gốc, 5.000.000 đồng tiền lãi). Sau khi trả xong, bà L tiếp tục vay thêm số tiền là 30.000.000 đồng (nâng tổng số tiền gốc lên 80.000.000 đồng), mỗi ngày bà L phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 4.000.000 đồng, đến thời hạn bà L đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 88.000.000 đồng (trong đó 80.000.000 đồng tiền gốc, 8.000.000 đồng tiền lãi); sau khi bà L trả xong tiền gốc và lãi cho A tiếp tục vay khoản vay mới là 80.000.000 đồng, bà L và A liên tục duy trì khoản vay này từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 thì bà L không còn khả năng trả nợ nữa nên bà L và A thỏa thuận chốt số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và bà L dừng đóng lãi, mỗi tháng bà L trả cho A số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, bà L trả cho A được 50.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng bà L không còn khả năng trả nợ nữa. Như vậy, bà L đã trả cho A 50.000.000 đồng tiền gốc và 99.000.000 đồng tiền lãi (trong đó lãi theo quy định là 11.934.247 đồng, lãi vượt quá quy định là 87.065.753 đồng); bà L còn thiếu lại là 30.000.000 đồng tiền gốc.

Tháng 6 năm 2022 (không rõ ngày), A cho ông Lê Văn H vay số tiền 30.000.000 đồng, mỗi ngày ông H phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 1.500.000 đồng, đến thời hạn ông H đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 33.000.000 đồng (trong đó 30.000.000 đồng tiền gốc, 3.000.000 đồng tiền lãi). Sau khi trả xong, ông H tiếp tục vay khoản vay mới là 30.000.000 đồng, ông H và A duy trì liên tục khoản vay này cho đến tháng 6 năm 2023 thì ông H trả cho A tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi với tổng số là 42.000.000 đồng (trong đó lãi theo quy định là 5.063.014 đồng, lãi vượt quá quy định là 36.936.986 đồng).

Tháng 2 năm 2023 (không rõ ngày), A cho bà Nguyễn Thị E vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày bà E phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 500.000 đồng, đến thời hạn bà E đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 11.000.000 đồng (trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi). Sau đó, bà E tiếp tục vay thêm số tiền 10.000.000 đồng (nâng tổng số tiền gốc vay lên 20.000.000 đồng), mỗi ngày bà E phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 1.000.000 đồng, đến thời hạn bà E đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 22.000.000 đồng (trong đó 20.000.000 đồng tiền gốc, 2.000.000 đồng tiền lãi); sau khi bà E trả xong tiền gốc và lãi cho A tiếp tục vay khoản vay mới là 20.000.000 đồng, và E và A liên tục duy trì khoản vay này trong thời hạn là 04 kỳ (từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 8 năm 2023) thì bà E trả cho A tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 21.000.000 đồng (trong đó lãi theo quy định 2.531.507 đồng, lãi suất quá quy định là 18.468.493 đồng).

Khoảng cuối tháng 4 năm 2023 (không rõ ngày), A cho ông Hồ Khắc F vay số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày ông F phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 1.000.000 đồng, đến thời hạn ông F đã trả cho A khoản vay này với tổng số tiền là 22.000.000 đồng (trong đó 20.000.000 đồng tiền gốc, 2.000.000 đồng tiền lãi). Sau khi trả xong ông F tiếp tục vay khoản vay mới là 20.000.000 đồng, ông F và A liên tục duy trì khoản vay này trong thời hạn là 04 kỳ (đến đầu tháng 8 năm 2023) thì

ông F trả cho A tiền gốc là 20.000.000 đồng, lãi là 8.000.000 đồng. Sau đó, ông F tiếp tục vay thêm 30.000.000 đồng (*nâng tổng số tiền gốc vay lên 50.000.000 đồng*), mỗi ngày ông F phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 2.500.000 đồng, ông F trả khoản vay này được 18 ngày thì không còn khả năng trả nợ nữa nên A và ông F thống nhất số ngày vay còn lại là 04 ngày, số tiền phải trả là 10.000.000 đồng, ông F phải trả góp mỗi ngày là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. ông F đã trả được số tiền 4.000.000 đồng, số tiền còn lại là 6.000.000 đồng ông F không còn khả năng trả nợ nữa. Như vậy, tổng số tiền gốc ông F đã trả cho A là 46.000.000 đồng và lãi là 14.090.909 đồng (*trong đó lãi theo quy định 1.698.630 đồng, lãi vượt quá quy định là 12.392.279 đồng*).

Tháng 9 năm 2023 (*không rõ ngày*), A cho ông Đoàn Ngọc I vay số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày ông I phải trả góp cả tiền gốc và lãi cho A là 750.000 đồng, ông I trả được 03 ngày thì hết khả năng trả nợ cho A. Như vậy, ông I đã trả được 2.043.000 đồng tiền gốc và 207.000 đồng tiền lãi (*trong đó lãi theo quy định là 27.000 đồng, lãi vượt quá quy định là 180.000 đồng*), số tiền gốc ông I chưa trả là 12.957.000 đồng.

Ngày 03 tháng 02 năm 2024, A đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu đen để phục vụ công tác điều tra.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 9 năm 2023 A sử dụng số tiền 235.000.000 đồng cho ông H, ông F, bà E, bà K, ông G, ông I và bà L vay trả góp trong thời hạn 22 ngày, mỗi ngày phải trả góp cho A cả tiền gốc và lãi là 50.000 đồng/1.000.000 đồng; A đã thu lợi số tiền 232.697.909 đồng (*trong đó lãi theo quy định là 28.053.302 đồng; lãi vượt quá quy định là 204.644.607 đồng*).

Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu đen là của A. A đã sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với những người vay mượn tiền để thu hồi nợ, do đó cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu của A số tiền 156.043.000 đồng (*gồm số tiền A cho ông H, ông F, bà E, bà K, ông G, ông I, bà L vay và số tiền lãi theo quy định là 28.053.303 đồng do phạm tội mà có*) để nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu của bà L số tiền 30.000.000 đồng, ông F số tiền 6.000.000 đồng, ông I số tiền 12.957.000 đồng, ông G số tiền 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc A phải trả lại số tiền thu lợi bất chính (*lãi vượt quá quy định*) cho ông H là 36.936.986 đồng, trả cho bà L số tiền 87.065.753 đồng, trả cho ông F số tiền 12.392.279 đồng, trả cho bà K số tiền 8.266.849 đồng, trả cho ông I số tiền 180.000 đồng, trả cho bà G số tiền 41.334.247 đồng và trả cho bà E số tiền 18.468.493 đồng (*tổng số tiền là 204.644.607 đồng*).

Bản cáo trạng số 27/CT-VKSDBGM ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc A từ 18 – 24 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 - 48 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A phải trả lại số tiền thu lợi bất chính (*lãi vượt quá quy định*) cho ông H là 36.936.986 đồng, trả cho bà L số tiền 87.065.753 đồng, trả cho ông F số tiền 12.392.279 đồng, trả cho bà K số tiền 8.266.849 đồng, trả cho ông I số tiền 180.000 đồng, trả cho bà G số tiền 41.334.247 đồng và trả cho bà E số tiền 18.468.493 đồng (*tổng số tiền là 204.644.607 đồng*).

Truy thu của bị cáo A số tiền 156.043.000 đồng (*gồm số tiền bị cáo A cho ông H, ông F, bà E, bà K, ông G, ông I, bà L vay và số tiền lãi theo quy định là 28.053.302 đồng do phạm tội mà có*) để nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bà L số tiền 30.000.000 đồng, ông F số tiền 6.000.000 đồng, ông I số tiền 12.957.000 đồng, ông G số tiền 30.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu đen là của bị cáo A.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng Bộ luật Hình sự để xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Các hành vi phạm tội thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trở đi thì áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị Ngọc A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng số 27/CTr-VKSBGM ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố.

Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài, nên từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 9 năm 2023, bị cáo Lê Thị Ngọc A đã sử dụng số tiền 235.000.000 đồng để cho ông Lê

Văn H, bà Phạm Thị Diễm L, ông Hồ Khắc F, bà Nguyễn Thị Thu K, ông Đoàn Ngọc I, ông Nguyễn Thanh G, bà Nguyễn Thị E vay và trả góp trong thời hạn 22 ngày, mỗi ngày phải trả góp cả tiền gốc và lãi là 50.000 đồng/1.000.000 đồng là gấp 8,29 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự 2015 (*lãi suất tương đương 13.82%/ tháng; hoặc tương đương 165,91%/năm*). Bị cáo đã thu tiền lãi của những người vay nói trên tổng cộng là 232.697.909 đồng (*trong đó lãi theo quy định là 28.053.302 đồng, lãi vượt quá quy định là 204.644.607 đồng*).

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và bị cáo biết được rằng việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ và mục đích cá nhân mà bị cáo đã phạm tội. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, tôn trọng lợi ích hợp pháp của công dân và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo đầu thú được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử cần xem xét khi lượng hình.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo A phải có trách nhiệm trả lại số tiền thu lợi bất chính (*lãi vượt quá quy định*) cho ông H là 36.936.986 đồng, trả cho bà L số tiền là 87.065.753 đồng, trả cho ông F số tiền là 12.392.279 đồng, trả cho bà K số tiền là 8.266.849 đồng, trả cho ông I số tiền là 180.000 đồng, trả cho bà G số tiền là 41.334.247 đồng và trả cho bà E số tiền 18.468.493 đồng (*tổng số tiền là 204.644.607 đồng*).

Truy thu của bị cáo A số tiền 156.043.000 đồng (*gồm số tiền bị cáo A cho ông H, ông F, bà E, bà K, ông G, ông I, bà L đã vay và số tiền lãi theo quy định là 28.053.302 đồng do phạm tội mà có*) để nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu của bà L số tiền 30.000.000 đồng, ông F số tiền 6.000.000 đồng, ông I số tiền 12.957.000 đồng, ông G số tiền 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu đen là của bị cáo A dùng làm phương tiện để cho vay lãi nặng nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy của pháp luật.

[10] Đối với lời phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa, Hội đồng xét thấy có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Ngọc A** (tên gọi khác: *Không*), phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc A **02 (hai)** năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **04 (bốn)** năm tính từ ngày tuyên án.

Tuyên giao bị cáo cho UBND xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Thị Ngọc A phải có trách nhiệm trả lại số tiền thu lợi bất chính (*lãi vượt quá quy định*) cho ông Lê Văn H là 36.936.986 đồng, trả cho bà Phạm Thị Diễm L số tiền là 87.065.753 đồng, trả cho ông Hồ Khắc F số tiền là 12.392.279 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Thu K số tiền là 8.266.849 đồng, trả cho ông Đoàn Ngọc I số tiền là 180.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Thanh G số tiền là 41.334.247 đồng và trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền 18.468.493 đồng (*tổng số tiền là 204.644.607 đồng*).

Truy thu của bị cáo Lê Thị Ngọc A số tiền 156.043.000 đồng (*gồm số tiền bị cáo Lê Thị Ngọc A cho ông Lê Văn H, ông Hồ Khắc F, bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị Thu K, ông Nguyễn Thanh G, ông Đoàn Ngọc I, bà Phạm Thị Diễm L vay*) và số tiền lãi theo quy định là 28.053.302 đồng do phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu của bà Phạm Thị Diễm L số tiền 30.000.000 đồng, ông Hồ Khắc F số tiền 6.000.000 đồng, ông Đoàn Ngọc I số tiền 12.957.000 đồng, ông Nguyễn Thanh G số tiền 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng:

Áp dụng các Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu đen là của bị cáo Lê Thị Ngọc A

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008890; Quyển số 0178; Ký hiệu D47/2017 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập).

5. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Ngọc A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.232.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã ĐƠ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VĂN PHÚ VINH